



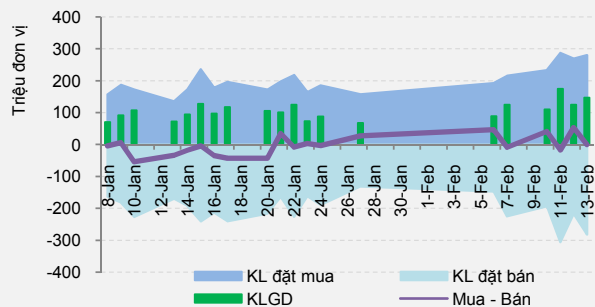
BẢN TIN THỊ TRƯỜNG

Phiên giao dịch ngày: 13/2/2014

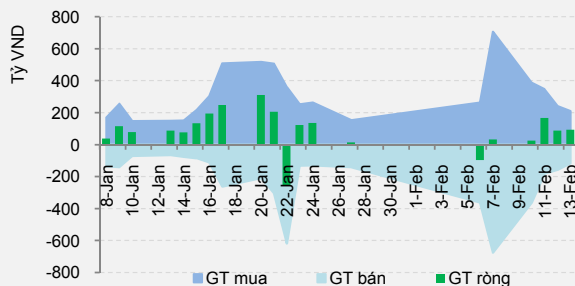
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	570.2	77.7
% Thay đổi	↑ 1.1%	↑ 1.2%
KLGD (CP)	147,121,230	85,044,066
GTGD (tỷ đồng)	2,286.95	813.03
Tổng cung (CP)	281,044,020	130,035,500
Tổng cầu (CP)	280,370,450	125,122,300

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	3,512,570	1,580,602
KL mua (CP)	6,890,920	2,622,900
GTmua (tỷ đồng)	209.88	37.61
GT bán (tỷ đồng)	116.27	34.86
GT ròng (tỷ đồng)	93.61	2.74

Tương quan cung cầu HOSE



Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↑ 0.33%	8.4	2.0	2.6%
Công nghiệp	↑ 1.16%	596.7	1.3	22.0%
Dầu khí	↑ 1.16%	9.7	1.7	3.9%
Dịch vụ Tiêu dùng	↑ 0.11%	16.5	2.2	1.4%
Dược phẩm và Y tế	↓ -0.11%	10.3	3.2	1.2%
Hàng Tiêu dùng	↑ 0.27%	13.2	5.0	8.2%
Ngân hàng	↑ 0.18%	14.0	1.3	8.6%
Nguyên vật liệu	↑ 0.28%	11.1	2.2	7.2%
Tài chính	↑ 1.05%	20.0	2.7	38.4%
Tiền ích Cộng đồng	↑ 3.87%	11.2	4.1	6.4%
VN - Index	↑ 1.05%	14.4	3.1	73.8%
HNX - Index	↑ 1.24%	19.2	1.6	26.2%

Giao dịch tự doanh của các CTCK trên HOSE				
	Mua	%	Bán	%
KLGD (CP)	1,190,660	0.8%	3,109,630	2.1%
GTGD (tỷ VND)	31,231	1.4%	68,530	3.0%

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Nhận định: Áp lực chốt lời diễn ra khá mạnh khi VN-Index tăng đến mức đỉnh gần nhất 565 điểm. Mức độ biến động giá toàn thị trường trong phiên khá mạnh, dù chỉ số chung vẫn duy trì mức tăng điểm trong suốt phiên giao dịch, nhờ diễn biến tăng khá của cổ phiếu GAS, MSN. Điểm tích cực là lực cầu tham gia thị trường vẫn tốt và ổn định, thị trường đóng cửa sát mức cao nhất trong phiên, lượng cổ phiếu tăng điểm vẫn chiếm đa số. Chỉ số HNX-Index cũng ghi nhận phiên tăng điểm với thanh khoản tăng so với phiên trước. Dòng tiền có xu hướng quan tâm hơn đến sàn HNX, với diễn biến tích cực của nhóm cổ phiếu chứng khoán, dầu khí.

Phiên giao dịch ngày mai là phiên T+3 của phiên thanh khoản tăng mạnh ngày 11/2, với 259 triệu cổ phiếu về tài khoản trên hai sàn. Áp lực chốt lời dự báo vẫn ở mức cao. Tuy nhiên với thực tế dòng tiền tham gia thị trường tích cực hiện tại, diễn biến giằng co dự báo không nhiều. Thị trường vẫn đang trong xu hướng tăng điểm với ngưỡng cản kỹ thuật gần nhất của VN-Index là khoảng 590-600 điểm, HNX-Index là khoảng 78-80 điểm.

Nhà đầu tư nên tiếp tục nắm giữ cổ phiếu, khi xu hướng tăng điểm của thị trường vẫn đang duy trì. Việc lựa chọn cổ phiếu nên quan tâm đến yếu tố cơ bản, thuộc ngành nghề được đánh giá triển vọng như dầu khí, xuất khẩu, xây dựng, VLXD, BĐS, được dòng tiền quan tâm.

- Chỉ số VN-Index tăng 5.92 điểm (1.05%), lên 570.17 điểm, sát mức cao nhất trong phiên.

- Chỉ số HNX-Index tăng 0.95 điểm (1.24%), lên 77.70 điểm, mức cao nhất trong phiên.

- Ngày 13/02, MSCI thông báo kết quả tái cơ cấu danh mục định kỳ, trong đó không thêm bất kỳ cổ phiếu nào mới đồng thời loại cổ phiếu Barclays Bank của Kenya ra khỏi danh mục. Hiện MSCI Frontier Markets Index đầu tư vào 9 cổ phiếu trên TTCK Việt Nam là VIC, MSN, DPM, HAG, VCB, STB, BVH, CTG và GAS.

- Bộ Xây dựng vừa đưa ra lấy ý kiến Dự thảo Luật Nhà ở sửa đổi lần thứ 11 với nhiều điểm mới thông thoáng hơn. Đối với việc mua nhà, tổng số tiền ứng trước của người mua nhà trước khi bàn giao không vượt quá 70% giá trị và không vượt quá 95% giá trị đến trước khi người mua được cấp Giấy chứng nhận sở hữu. Đối với Việt kiều, được quyền sở hữu nhà ở (bao gồm căn hộ chung cư và nhà ở riêng lẻ) gắn liền với quyền sử dụng đất ở mà không bị hạn chế về số lượng và loại nhà ở được sở hữu. Đối với người nước ngoài, quy định cũng được mở rộng hơn. Người nước ngoài được mua, thuê mua, nhận tặng cho, nhận thừa kế và sở hữu loại nhà ở thương mại (bao gồm cả căn hộ chung cư và nhà ở riêng lẻ, trước đó chỉ quy định nhà ở chung cư) trong dự án đầu tư xây dựng nhà ở. Tổ chức, cá nhân nước ngoài cũng được phép đầu tư xây dựng nhà ở để bán, cho thuê, cho thuê mua theo dự án tại Việt Nam.

VN-INDEX



Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Tăng	Tăng	Tăng

Ghi chú:
 Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày
 short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần
 Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng

- Chỉ số VN-Index tăng 5.92 điểm (1.05%), lên 570.17 điểm, sát mức cao nhất trong phiên.
- KLGD tăng 20% so với phiên trước, lên 145 triệu đơn vị.
- Chỉ số RSI14 tăng lên mức 75 điểm, tâm lý nhà đầu tư cải thiện hơn. Chỉ báo MACD 9 ngày nở rộng khoảng cách hơn phía trên đường tín hiệu.

Nhận định: Áp lực chốt lời diễn ra khá mạnh khi VN-Index tăng đến mức đỉnh gần nhất 565 điểm. Mức độ biến động giá toàn thị trường trong phiên khá mạnh, dù chỉ số chung vẫn duy trì mức tăng điểm trong suốt phiên giao dịch, nhờ diễn biến tăng khá của cổ phiếu GAS, MSN. Điểm tích cực là lực cầu tham gia thị trường vẫn tốt và ổn định, thị trường đóng cửa sát mức cao nhất trong phiên, lượng cổ phiếu tăng điểm vẫn chiếm đa số.

Phiên giao dịch ngày mai là phiên T+3 của phiên thanh khoản tăng mạnh ngày 11/2, với 170 triệu cổ phiếu về tài khoản. Áp lực chốt lời dự báo vẫn ở mức cao. Tuy nhiên với thực tế dòng tiền tham gia thị trường tích cực hiện tại, diễn biến giảm co dự báo không nhiều. Thị trường vẫn đang trong xu hướng tăng điểm với ngưỡng cân kỹ thuật gần nhất là khoảng 590-600 điểm.

HNX-INDEX



Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Tăng	Tăng	Tăng

Ghi chú:
 Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày
 short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần
 Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng

- Chỉ số HNX-Index tăng 0.95 điểm (1.24%), lên 77.70 điểm, mức cao nhất trong phiên.
- KLGD tăng 28% so với phiên trước, lên 81 triệu đơn vị.
- Chỉ số RSI14 tăng lên mức 87 điểm, tiếp tục tiến sâu vào mức quá mua. Đường MACD 9 đang nở rộng khoảng cách phía trên đường tín hiệu.

Nhận định: Chỉ số HNX-Index ghi nhận phiên tăng điểm thứ hai liên tiếp với thanh khoản tăng so với phiên trước. Dòng tiền có xu hướng quan tâm hơn đến sàn HNX, với diễn biến tích cực của nhóm cổ phiếu chứng khoán, dầu khí. Số lượng cổ phiếu thu hút lực cầu mở rộng hơn so với giai đoạn trước.

Phiên giao dịch ngày mai là phiên T+3 của phiên thanh khoản tăng mạnh ngày 11/2, với 89 triệu cổ phiếu về tài khoản. Áp lực chốt lời dự báo vẫn ở mức cao. Tuy nhiên với thực tế dòng tiền tham gia thị trường tích cực hiện tại, diễn biến giảm co dự báo không nhiều. Thị trường vẫn đang trong xu hướng tăng điểm với ngưỡng cân kỹ thuật gần nhất là khoảng 78-80 điểm.

Thị trường có thể diễn biến giảm co tại ngưỡng này, với sự phân hóa rõ rệt hơn ở từng nhóm cổ phiếu. Tuy nhiên, với thực tế lực cầu tham gia thị trường tốt và ổn định, dòng tiền có xu hướng luân chuyển giữa từng nhóm cổ phiếu, xu hướng tăng điểm trung dài hạn của thị trường vẫn đang duy trì.

Nhà đầu tư nên tiếp tục nắm giữ cổ phiếu, khi xu hướng tăng điểm của thị trường vẫn đang duy trì. Việc lựa chọn cổ phiếu nên quan tâm đến yếu tố cơ bản, thuộc ngành nghề được đánh giá triển vọng như dầu khí, xuất khẩu, xây dựng, VLXD, BĐS, được dòng tiền quan tâm.

TOP CỔ PHIẾU TĂNG TRƯỞNG LỢI NHUẬN Q4.2013 SO VỚI CÙNG KỲ

STT	Mã	Sàn	Doanh thu Q4	% DT so Q4.2012	LNST Q4 (tỷ)	% LN so Q4.2012	DT 2013 (tỷ)	% DT so 2012	LNST 2013 (tỷ)	% LN so 2012	LN 2013 so KH	Tỷ lệ SHNN (%)
1	PXL	HOSE	2.8	-65.0%	10.01	19920.0%	24.57	-69.3%	-5.45	-2968.4%	-51.2%	0.24
2	PXI	HOSE	256.85	28.2%	17.97	5515.6%	683.2	-19.3%	15.03	78.5%	38.5%	3.10
3	KTB	HOSE	16.14	-11.9%	1.68	5500.0%	50.16	-35.9%	1.75	-95.7%	5.8%	2.38
4	KMR	HOSE	68.79	11.8%	5.97	2942.9%	337.28	-3.1%	20.16	474.4%	163.2%	19.09
5	VTO	HOSE	362.62	-12.3%	20.37	2163.3%	1564.15	-4.7%	43.81	-11.1%	605.9%	1.91
6	TC6	HNX	1187.01	-9.2%	97.17	1690.3%	4262.51	5.9%	59.07	34.3%	126.0%	4.67
7	DBC	HNX	1313.6	85.4%	92.93	811.0%	4704.28	-1.5%	191.15	-23.5%	91.6%	38.22
8	PXT	HOSE	69.76	-76.0%	0.77	670.0%	350.52	-47.2%	1.12	-76.1%	20.3%	0.71
9	PXS	HOSE	327.59	75.8%	27.21	604.9%	1009.34	-15.7%	76.39	13.3%	77.4%	11.13
10	SBA	HOSE	117.96	55.7%	56.9	519.2%	222.15	31.7%	66.56	256.3%	131.8%	0.01

TOP CỔ PHIẾU TĂNG TRƯỞNG LỢI NHUẬN 2013 SO 2012

STT	Mã	Sàn	Doanh thu Q4	% DT so Q4.2012	LNST Q4 (tỷ)	% LN so Q4.2012	DT 2013 (tỷ)	% DT so 2012	LNST 2013 (tỷ)	% LN so 2012	LN 2013 so KH	Tỷ lệ SHNN (%)
1	CMI	HNX	29.66	446.2%	12.3	261.4%	52.88	63.8%	13.09	869.6%	55.7%	0.06
2	KLS	HNX	40.5	-12.9%	40.73	-35.5%	167.65	-30.6%	138.34	541.4%	34.2%	5.98
3	KMR	HOSE	68.79	11.8%	5.97	2942.9%	337.28	-3.1%	20.16	474.4%	163.2%	19.09
4	FIT	HNX	2.48	0.0%	16.09	0.0%	37.1	104.5%	34.1	291.5%	144.1%	0.06
5	SBA	HOSE	117.96	55.7%	56.9	519.2%	222.15	31.7%	66.56	256.3%	131.8%	0.01
6	PSI	HNX	33.2	28.9%	0.59	110.7%	150.64	19.7%	2.68	222.9%	133.3%	17.82
7	VNH	HOSE	20.84	42.1%	10.68	158.9%	84.75	-10.6%	9.38	197.3%	234.5%	2.27
8	NDN	HNX	22.88	-49.1%	2.42	-3.6%	132.33	-5.3%	19.17	165.1%	154.2%	0.09
9	ITQ	HNX	164.61	14.2%	0.15	107.2%	469.7	0.7%	2.66	153.3%	22.2%	-
10	NKG	HOSE	1495.16	93.4%	13.39	128.5%	4663.45	59.3%	55.57	152.9%	148.2%	0.01

TOP CỔ PHIẾU LỢI NHUẬN TUYỆT ĐỐI 2013 CAO NHẤT

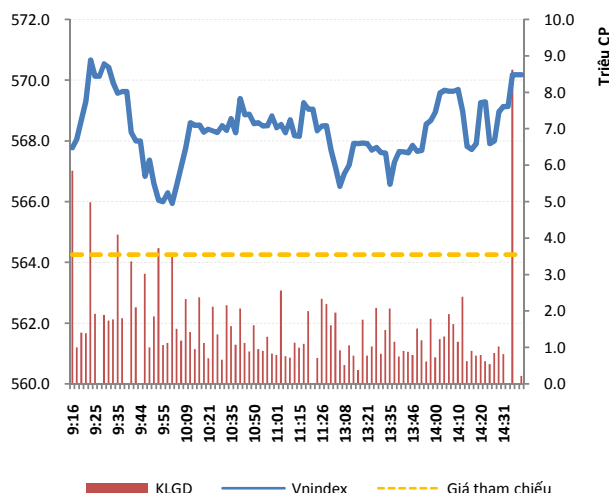
STT	Mã	Sàn	Doanh thu Q4	% DT so Q4.2012	LNST Q4 (tỷ)	% LN so Q4.2012	DT 2013 (tỷ)	% DT so 2012	LNST 2013 (tỷ)	% LN so 2012	LN 2013 so KH	Tỷ lệ SHNN (%)
1	VNM	HOSE	8174.03	15.9%	1470.04	-10.8%	30948.6	16.5%	6534.13	12.3%	104.9%	49.00
2	LAS	HNX	612.36	-25.0%	121.83	56.4%	4768.48	6.1%	447.23	13.5%	137.1%	11.76
3	DRC	HOSE	790.83	20.0%	96.05	1.3%	2798.95	0.5%	375.33	20.2%	120.0%	28.13
4	CSM	HOSE	801.19	5.1%	102.91	52.1%	3133.79	3.0%	360.64	42.1%	174.9%	12.81
5	HCM	HOSE	199.11	72.3%	101.85	165.9%	634.76	12.9%	282.17	14.5%	118.9%	49.00
6	SBT	HOSE	746.36	49.3%	107.64	-42.6%	2220.04	13.2%	239.01	-35.4%	87.3%	15.01
7	PGD	HOSE	1653.6	15.7%	6.29	-55.9%	6422.14	17.0%	209.1	-8.3%	161.5%	5.26
8	DBC	HNX	1313.6	85.4%	92.93	811.0%	4704.28	-1.5%	191.15	-23.5%	91.6%	38.22
9	PLC	HNX	1838.41	12.6%	38.31	-3.1%	6196.32	2.2%	189.22	12.1%	106.7%	2.97
10	PGS	HNX	2101.53	27.7%	27.89	-52.3%	6937.57	8.8%	178.45	18.0%	98.6%	23.00
11	KLS	HNX	40.5	-12.9%	40.73	-35.5%	167.65	-30.6%	138.34	541.4%	34.2%	5.98
12	VND	HNX	76.9	78.5%	6.78	-22.8%	262.62	9.0%	124.43	58.2%	164.3%	28.11

Ghi chú: Chỉ lọc những mã cổ phiếu có KLGD bình quân 30 phiên > 50.000. Tỷ lệ SHNN tính đến ngày 07/02/2014

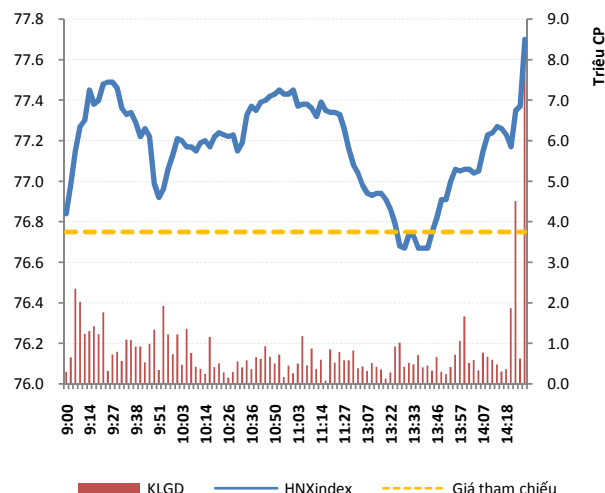


THỐNG KÊ GIAO DỊCH

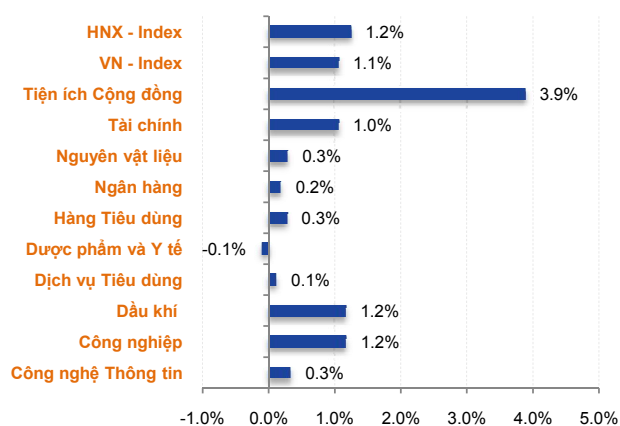
KLGD và VN-Index trong phiên



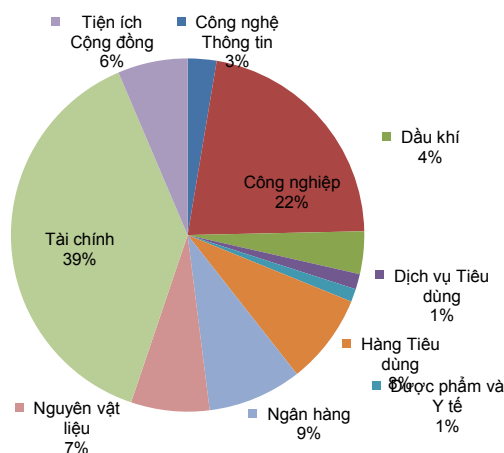
KLGD và HNX-Index trong phiên



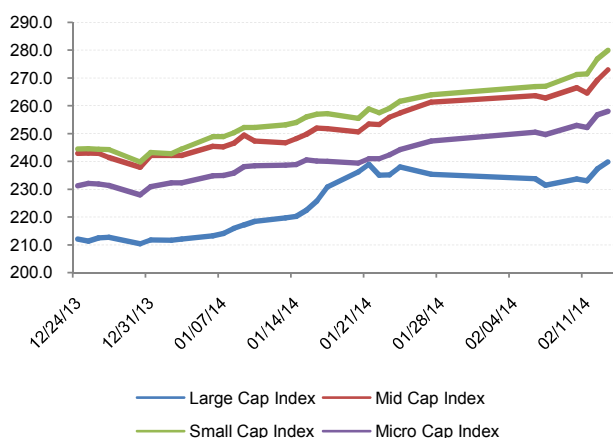
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



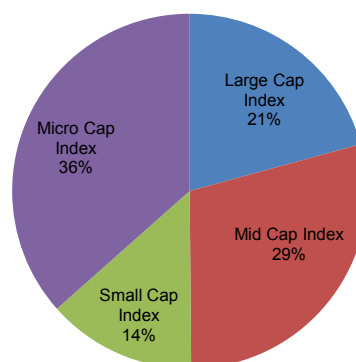
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ
Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ
Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	ITA	693,990	FCN	292,700
2	LCG	343,420	HBC	272,940
3	DRC	305,390	IJC	149,100
4	OGC	265,820	HT1	95,610
5	PVT	253,890	KMR	80,000

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	SHB	1,126,900	PVS	485,200
2	VCG	403,200	VND	272,802
3	HOM	70,000	KLS	80,000
4	BVS	65,000	HPC	45,000
5	SD9	63,400	SD5	35,400

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
ITA	7.4	7.6	↑ 2.70%	9,971,030
HAG	24.7	24.8	↑ 0.40%	8,243,820
PVT	12.4	13.2	↑ 6.45%	7,943,560
FLC	10.0	10.3	↑ 3.00%	7,626,980
MBB	14.0	14.7	↑ 5.00%	6,852,050

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
KLS	9.7	10.6	↑ 9.28%	9,776,681
PVX	3.5	3.5	→ 0.00%	7,660,004
SHB	7.7	7.7	→ 0.00%	7,202,634
SCR	8.3	8.3	→ 0.00%	5,667,770
SHS	6.2	6.6	↑ 6.45%	5,114,020

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
TDH	15.8	16.9	1.1	↑ 6.96%
GIL	28.0	29.9	1.9	↑ 6.79%
VRC	5.9	6.3	0.4	↑ 6.78%
LAF	10.4	11.1	0.7	↑ 6.73%
GSP	13.4	14.3	0.9	↑ 6.72%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
BKC	12.0	13.2	1.2	↑ 10.00%
QHD	11.0	12.1	1.1	↑ 10.00%
VE4	8.0	8.8	0.8	↑ 10.00%
VTL	16.0	17.6	1.6	↑ 10.00%
QST	11.1	12.2	1.1	↑ 9.91%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
OPC	64.5	60.0	-4.5	↓ -6.98%
SCD	28.8	26.8	-2.0	↓ -6.94%
HTL	16.0	14.9	-1.1	↓ -6.88%
SII	24.0	22.4	-1.6	↓ -6.67%
CIG	3.1	2.9	-0.2	↓ -6.45%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
DC2	6.0	5.4	-0.6	↓ -10.00%
SDY	3.0	2.7	-0.3	↓ -10.00%
VBH	18.0	16.2	-1.8	↓ -10.00%
BST	13.0	11.8	-1.2	↓ -9.23%
ALT	12.1	11.0	-1.1	↓ -9.09%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
ITA	9,971,030	0.2%	25	298.5	0.7
HAG	8,243,820	5.9%	1,095	22.7	1.4
PVT	7,943,560	-0.5%	(56)	-	1.1
FLC	7,626,980	6.3%	990	10.4	0.6
MBB	6,852,050	15.2%	2,015	7.3	1.0

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
KLS	9,776,681	5.5%	716	14.8	0.8
PVX	7,660,004	-92.1%	(5,013)	-	0.9
SHB	7,202,634	17.1%	1,884	4.1	0.7
SCR	5,667,770	-1.1%	(160)	-	0.6
SHS	5,114,020	1.5%	116	56.7	0.8

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
TDH	↑ 7.0%	1.9%	663	25.5	0.5
GIL	↑ 6.8%	6.9%	1,555	19.2	1.3
VRC	↑ 6.8%	-1.3%	(164)	(38.4)	0.5
LAF	↑ 6.7%	34.5%	2,311	4.8	1.4
GSP	↑ 6.7%	12.7%	1,531	9.3	1.2

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
BKC	↑ 10.0%	-30.3%	(3,745)	14.8	1.2
QHD	↑ 10.0%	16.9%	2,136	5.7	0.9
VE4	↑ 10.0%	8.6%	1,229	7.2	0.6
VTL	↑ 10.0%	0.7%	76	232.3	1.6
QST	↑ 9.9%	15.2%	1,793	6.8	1.0

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
ITA	693,990	0.2%	25	298.5	0.7
LCG	343,420	-11.5%	(2,145)	-	0.4
DRC	305,390	29.4%	4,518	10.3	2.8
OGC	265,820	-1.8%	(196)	-	1.1
PVT	253,890	-0.5%	(56)	-	1.1

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
SHB	1,126,900	17.1%	1,884	4.1	0.7
VCG	403,200	3.4%	403	32.3	1.1
HOM	70,000	0.2%	24	309.1	0.6
BVS	65,000	7.3%	1,187	11.9	0.8
SD9	63,400	11.8%	2,204	5.9	0.7

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
GAS	156,338	40.8%	6,535	12.6	4.7
VNM	115,852	39.6%	7,839	17.7	6.6
VIC	70,943	47.1%	6,709	11.6	4.4
MSN	69,082	2.7%	552	170.3	5.2
VCB	66,973	9.8%	1,757	16.5	1.6

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
ACB	15,205	7.5%	1,027	16.1	1.2
PVS	12,329	17.3%	2,872	9.6	1.6
SQC	8,602	-1.5%	(188)	-	6.4
SHB	6,823	17.1%	1,884	4.1	0.7
OCH	6,120	5.9%	687	44.5	2.9

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
CLG	2.63	12.5%	1,402	7.4	0.9
HVX	2.30	-7.7%	(703)	-	0.9
BVH	2.23	9.0%	1,618	29.7	2.8
IMP	1.99	8.5%	3,720	15.3	1.3
TCM	1.97	11.7%	1,525	18.8	1.9

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
TTZ	7.41	-0.2%	(21)	-	0.5
YBC	3.88	-94.4%	(4,398)	-	1.9
BKC	3.76	-30.3%	(3,745)	-	1.2
ITQ	3.69	2.5%	266	20.0	0.5
SCR	3.47	-1.1%	(160)	-	0.6



Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1&3, Tòa nhà Trung tâm
Hội nghị Công đoàn, Số 01 Yết
Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (84-4)-3818 1888
Fax: (84-4)-3818 1688

Chi nhánh Hồ Chí Minh

141-143 Hàm Nghi, P. Nguyễn
Thái Bình, Quận I
Tel: (84-8)-3915 1368
Fax: (84-8)-3915 1369

Chi nhánh Đà Nẵng

97 Lê Lợi, Hải Châu, Đà
Nẵng
Tel: (84-511)-352 5777
Fax: (84-511)-352 5779

Website: www.shs.com.vn

Người thực hiện:

Đoàn Thị Ánh Nguyệt
nguyet.dta@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi [StoxPlus Corporation](#)